



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ
Phòng Thông tin - Văn hoá
Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh
Hà Nội, Việt Nam
(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

TẠP CHÍ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ NGOẠI GIAO MỸ
CÁC VẤN ĐỀ DÂN CHỦ – 5/2000
HƯỚNG TỚI MỘT CỘNG ĐỒNG DÂN CHỦ

DÂN CHỦ: QUYỀN CỦA TẤT CẢ CÁC DÂN TỘC
Joshua Muravchik

Có phải dân chủ dành cho tất cả mọi người hay không? Đối với người dân Mỹ đây là một điều hiển nhiên. Nền dân chủ của chúng ta dựa trên quan điểm rằng "mọi người sinh ra đều bình đẳng và đáng tạo hoá đã phú cho họ những quyền không thể tước đoạt" và rằng "Sức mạnh của chính phủ bắt nguồn từ sự đồng lòng của dân chúng". Như Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ đã nêu, những điều này là "chân lý" "hiển nhiên". Nhưng thực tế lại không như vậy. Chưa từng có chính phủ nào lấy những điều này làm cơ sở cho mình cả. Đó chỉ là những tuyên xưng về đức tin và những nguyên tắc đầu tiên. Chúng không chứng minh được nhưng đã thể hiện ý niệm căn bản về công lý của những người sáng lập ra nước Mỹ. Trong khi trình bày chi tiết về lý thuyết này, Joshua Muravchik, một học giả của Viện Doanh nghiệp Mỹ và tác giả của cuốn "Xuất khẩu Dân chủ: Hoàn thành Sứ mệnh của nước Mỹ", xem xét khái niệm "dân chủ toàn cầu" và xác định những giới hạn và thách thức của khái niệm này.

Không có điều nào trong bản Tuyên ngôn nói rằng những nguyên tắc này chỉ áp dụng cho người dân Mỹ. Ngược lại, các tác giả của bản Tuyên ngôn muốn nêu lên những nguyên tắc của một chính phủ công bằng có thể áp dụng được cho "tất cả mọi người". Tính phổ quát này đã được minh chứng bởi sự thành công của chính thể Mỹ trong việc đón nhận hàng triệu người nhập cư thuộc những chủng tộc hoàn toàn khác với những người sáng lập ra nước Mỹ, cũng như những nô lệ được giải phóng của nước Mỹ. Khi quốc gia này ngày càng có nhiều thứ ngôn ngữ, nền dân chủ không bị yếu đi mà lại trở nên ngày càng mạnh mẽ hơn. Những người Mỹ nào tin tưởng vào nền dân chủ của chúng ta và những mục tiêu mà những người lập quốc đã đề ra cho nền dân chủ đó thì cũng tin rằng người dân ở những nước khác cũng phải được hưởng những quyền tương tự và rằng chính phủ ở mọi nơi đều phải dựa vào sự đồng lòng của dân chúng.

Những thách thức đối với chủ nghĩa phổ cập dân chủ

Tuy nhiên niềm tin rộng rãi mang đặc trưng Mỹ này không có vẻ gì là "hiển nhiên" đối với tất cả mọi người. Ví dụ, đại diện của các chính phủ châu Á gặp nhau tại Bangkok năm 1993 tham dự một cuộc họp trụ bị của khu vực cho Hội nghị Thế giới về Nhân quyền do Liên Hiệp Quốc tổ chức đã tuyên bố rằng "tất cả các nước đều có quyền tự quyết định hệ thống chính trị của mình", hàm ý bao gồm cả những hệ thống phi dân chủ. Và họ đòi nhân quyền "phải được xem xét trong bối cảnh tình hình cụ thể của quốc gia và khu vực và những hoàn cảnh lịch sử, văn hoá, tôn giáo khác nhau." Mặc dù ngôn ngữ ở đây khá cầu kỳ, như đặc điểm chung của các tuyên bố ngoại giao, nhưng ý tứ thì rõ ràng: Dân chủ có thể không phải với ai cũng tốt. Tuyên bố Bangkok ủng hộ rõ ràng cho quan niệm về "cách của châu Á", đặt quyền lợi của một nhóm người lên trên cá nhân và theo đuổi sự phát triển kinh tế bằng kiểu lãnh đạo độc đoán. Đòi khi cũng có

những nhận định tương tự về các dân tộc ở những vùng khác, ví dụ như nói rằng người Trung Đông thích một hệ thống chính trị dựa trên những giáo huấn của đạo hồi hay người Mỹ La-tinh thấy chủ nghĩa dân túy tập thể phù hợp với mình hơn một nền dân chủ "máy móc".

Cũng có một kiểu lập luận thứ hai thách thức chủ nghĩa phổ cập dân chủ từ một góc độ khác. Nhiều học giả Mỹ đặt câu hỏi liệu người dân ở những nước nghèo hay những nước không phải phương Tây có khả năng tự lãnh đạo mình hay không. Nhà văn Irving Kristol đã nói: "Tôi là người không mấy vui sướng với thắng lợi của dân chủ ở Argentina hay Philipin, hoặc Triều Tiên... Tôi dám cược là nền dân chủ sẽ không tồn tại được lâu ở những nước này" bởi vì họ thiếu những "điều kiện tiên quyết cho dân chủ... thiếu những truyền thống và quan niệm văn hoá nhất định". Theo quan điểm này thì vấn đề không phải ở chỗ có một giải pháp thay thế tốt hơn cho dân chủ mà là thà không đạt được dân chủ còn hơn.

Như nhà khoa học chính trị James Q. Wilson đã viết: "Dân chủ và tự do của con người là điều tốt cho tất cả mọi người... Nhưng chỉ có thể đánh giá hết được những tốt lành mà chúng mang lại khi con người ta yên bình và chấp nhận khoan dung". Ông cho rằng tình hình ở những nước như Trung Quốc, Nga, hầu hết châu Phi và Trung Đông hoặc Mỹ La-tinh không được như vậy. Kristol và Wilson là những người bảo thủ, nhưng nhiều học giả có đầu óc thoáng hơn cũng có quan điểm như vậy. Ví dụ nhà khoa học chính trị Robert Dahl viết: "Một thực tế khó chấp nhận, thậm chí rất đáng buồn là ở hầu hết mọi nơi trên thế giới này, những điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển và duy trì dân chủ không tồn tại hoặc ít ra thì cũng tồn tại một cách yếu ớt."

Ta hãy xem xét lần lượt hai ý kiến phản đối này đối với chủ nghĩa phổ cập dân chủ. Đòi hỏi cho rằng mỗi nước có quyền có hệ thống chính trị riêng của mình lại không đề cập gì tới vấn đề ai là người nói lên tiếng nói của đất nước. Amartya Sen, một nhà kinh tế người Ấn Độ, người đạt giải thưởng Noben năm 1998 đã nói về vấn đề này như sau: "Sự biện hộ cho các chế độ chính trị độc đoán ở châu Á không phải do các nhà sử học độc lập mà do chính các nhà chức trách đưa ra." Bởi vì những luận điệu như vậy rõ ràng là phục vụ cho chính họ cho nên người ta luôn phải nhân danh nhân dân khi nói những điều đó. Họ vẫn nói với chúng ta rằng "nhân dân Trung Quốc" hay "nhân dân Singapore" hoặc bất cứ một nơi nào khác, không muốn dân chủ. Bên cạnh sự mỉa mai là không có dân chủ thì tại sao phải quan tâm tới những mong muốn của người dân, còn một vấn đề nữa là làm sao ta biết được người dân muốn gì nếu ta không hỏi họ?

Những người thống trị đất nước thường nói rằng họ biết người dân của họ muốn gì, nhưng tại sao những luận điệu này lại được chấp nhận? Ở miền Nam nước Mỹ trong những năm 50, các phát ngôn viên da trắng thường khẳng định rằng "những người da màu của chúng ta" bằng lòng với tình trạng phân biệt chủng tộc. Nhưng ngay khi người da đen có quyền bỏ phiếu thì những người theo chủ nghĩa phân biệt chủng tộc bị bác bỏ hoàn toàn.

Trên khắp thế giới, cũng đã có nhiều trường hợp người dân sống dưới ách độc tài cuối cùng cũng được nói lên nguyện vọng của mình, và kết quả không bao giờ minh chứng cho những kẻ độc tài cả. Thường thì điều này xảy ra khi chế độ cầm quyền bị sụp đổ do áp lực, do đó phải tổ chức một cuộc bỏ phiếu với những điều kiện có lợi cho mình với hy vọng còn níu giữ được quyền lực. Năm 1977, khi dân tình phản đối mạnh mẽ lệnh thiết quân luật mà Indira Gandhi áp đặt ở Ấn Độ, bà đã phải chấp nhận tổ chức bầu cử và tin rằng mình sẽ giành được phiếu tín nhiệm. Bà lý giải rằng trong một đất nước nghèo đói như Ấn Độ, những hứa hẹn về kinh tế của bà sẽ có giá trị hơn hứa hẹn về các quyền chính trị. Thế nhưng, cuộc bầu cử đó đã làm bà mất chức, và phái đối lập của bà là do đảng của "những người không thể nào đung tới", những người nghèo nhất trong những người nghèo lãnh đạo. Năm 1987, Ferdinand Marcos ra lệnh tổ chức "một cuộc bầu cử chớp nhoáng" ở Philipin nhằm làm cho phe đối lập không kịp có thời gian tổ chức, nhưng rồi chính bản thân ông cũng thất bại. Năm sau đó ở Chilê, tổng thống Augusto Pinochet vì không muốn mạo hiểm tổ chức một cuộc

bầu cử mang tính cạnh tranh nên đã đồng ý tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý về sự tiếp tục lãnh đạo của ông. Mục đích của ông là cho người dân chọn lựa giữa giữ nguyên hiện trạng và một tương lai bất định, mà tương lai như vậy nhiều phần sẽ là bất an. Thế nhưng đa số đã bỏ phiếu không chấp nhận sự tiếp tục cầm quyền của Pinochet. Năm 1989, chính quyền Ba Lan và phái đối lập thoả thuận tổ chức một cuộc bầu cử bán cạnh tranh. Nhiều ghế trong Quốc hội sẽ do hai bên cạnh tranh giành giật, nhưng toàn bộ các quan chức hàng đầu của cộng sản sẽ ra tranh cử mà không có đối thủ nhằm mục đích bảo vệ quyền lực của họ. Thế nhưng, nhân dân đã làm hỏng kế hoạch này. Mặc dù không có ứng cử viên nào khác, đa số cử tri vẫn gạch tên những nhân vật quan trọng đang cầm quyền. Có lẽ họ là những ứng cử viên duy nhất trong một cuộc bầu cử không có đối thủ mà vẫn thất bại. Năm 1990, khi các chế độ độc tài sụp đổ khắp nơi trên thế giới, các nhà cầm quyền quân sự của Miến Điện phải đối mặt với những cuộc biểu tình lớn trên đường phố. Binh lính đã giết khá nhiều người biểu tình, nhưng cuối cùng chính phủ đã phải đồng ý tổ chức cuộc bầu cử đầu tiên của nước này trong vòng 30 năm. Liên đoàn Quốc gia vì Dân chủ giành được hơn 80% số phiếu, nhưng thật đáng buồn, tập đoàn lãnh đạo quân sự đã không chịu công nhận kết quả này.

Nguyên vọng có dân chủ

Có thể nêu rất nhiều những ví dụ như thế. Ngược lại, đâu là dẫn chứng cho việc các nhà độc tài giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử tự do, ủng hộ sự cầm quyền của họ? Đã bao giờ người dân bỏ phiếu từ bỏ các quyền dân chủ của mình chưa? Chắc chắn là đã có những trường hợp các nhà lãnh đạo được bầu nên một cách tự do sau đó không chịu từ bỏ quyền lực của mình, và trên thực tế tự biến mình thành những kẻ độc tài, nhưng không có trường hợp nào những ý định như vậy được công nhận ngay từ khi các vị này còn đang tranh cử. Cũng có một thực tế là những người đã từng là cộng sản được bầu lên nắm quyền ở một số nước thuộc khối Liên Xô cũ. Nhưng không ai trong số những ứng cử viên này đề nghị lập lại chế độ một đảng. Thay vì làm như vậy, họ thuyết phục nhân dân bằng các vấn đề kinh tế xã hội, đồng thời khẳng định chấp nhận các thủ tục dân chủ.

Hai trường hợp gần đây nhất trong đó nhân dân sống dưới chế độ độc tài thể hiện nguyên vọng mong muốn dân chủ là Indonesia và Iran. Các cuộc biểu tình của sinh viên đã hạ bệ chế độ của Suharto trong năm 1998, và cuộc bầu cử diễn ra sau đó đã mang lại một thất bại nặng nề đối với đảng cầm quyền cũ là Golkar. Iran thì chưa tổ chức các cuộc bầu cử hoàn toàn tự do. Chỉ những ứng cử viên hứa ủng hộ cho hệ thống hồi giáo và được các nhà chức trách tăng lý duyệt thì mới được phép được tranh cử. Tuy nhiên, các cuộc bầu cử nghị viện năm nay đã thể hiện rõ ràng nguyên vọng của dân chúng muốn có dân chủ hơn. Những sự kiện này cũng là một điều đáng chú ý vì tại hội nghị ở Bangkok, Iran và Indonesia là hai nước rất tích cực ủng hộ quan điểm rằng người châu Á không hoan nghênh những chuẩn mực quốc tế về dân chủ và nhân quyền.

Một dạng khác của luận điểm cho rằng một số dân tộc không muốn có dân chủ được minh họa trong phát biểu sau đây của học giả người Mỹ Howard Wiarda, một chuyên gia về Mỹ La-tinh: "Tôi không tin rằng châu Mỹ La-tinh muốn một nền dân chủ kiểu Mỹ". Như vậy có vẻ như câu hỏi ở đây không phải là liệu dân chủ có phải là một giá trị được áp dụng toàn cầu hay không mà là mọi nước có nên có một hệ thống chính trị dập tì cùng một khuôn, gọi là khuôn của Mỹ hay không. Đây là một vấn đề sai lầm. Tại sao nước khác lại phải muốn dân chủ "kiểu Mỹ"? Hệ thống của Mỹ với cơ chế kiểm soát lẫn nhau khá lạ, với Thượng viện đầy quyền lực và phân chia một cách lạ lùng, với sự phân chia quyền lực giữa chính quyền liên bang và chính quyền bang, và với hai đảng thống trị của mình... bắt nguồn từ những kinh nghiệm của riêng nước Mỹ. Những nền dân chủ khác có hệ thống nghị viện, chính quyền thống nhất, bầu cử đa đảng, chế độ đại diện theo tỷ lệ phiếu, quốc hội một viện và nhiều dạng biến thể khác. Khi quân đồng minh thiết lập nền dân chủ tại Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai, trong một thời gian ngắn họ đã thử áp đặt chế độ liên bang. Nhưng chế độ này quá xa lạ với truyền thống của Nhật Bản đến nỗi không thể tồn tại lâu được. Không có nền dân chủ nào giống nền dân chủ nào và có thể có rất nhiều dạng thể chế khác nhau.

Tuy nhiên, như thế không có nghĩa rằng bất cứ một thể chế nào tự xưng là dân chủ đều xứng với tên gọi đó. Qua nhiều năm, nhiều chế độ cộng sản hay các phong trào cách mạng khác vẫn tự gọi là "dân chủ" bởi vì họ nói rằng họ cố gắng cho hạnh phúc của nhân dân, mặc dù họ không được lựa chọn qua bầu cử. Nhưng trong những năm cuối cùng của Liên Xô, tổng thống Mikhail Gorbachov đã phải thừa nhận rằng dùng thuật ngữ dân chủ như vậy là không đúng. Ông nói "ngày nay chúng ta biết rằng đáng lẽ có thể tránh được rất nhiều khó khăn nếu quá trình dân chủ được phát triển bình thường ở đất nước chúng ta". Nói như vậy, ý ông muốn đề cập tới "dân chủ đại diện nghị viện"

Xác định dân chủ là gì

Vì thuật ngữ này đã bị dùng không đúng, cho nên cần phải xác định những đặc điểm căn bản quyết định xem một nước có dân chủ hay không. Những đặc tính này cô đọng lại thành ba điều. Thứ nhất các quan chức chủ chốt của chính phủ phải được chọn lựa qua bầu cử công bằng và tự do. Điều này có nghĩa là ai cũng có thể tranh cử và ai cũng có quyền bỏ phiếu. Tất nhiên, quá trình này cũng có thể chấp nhận một số tiêu cực nhỏ, nhưng không đáng kể. Dưới chế độ Apacthai, Nam Phi cũng tổ chức các cuộc bầu cử cạnh tranh, nhưng người da đen không được đi bỏ phiếu. Như vậy không phải là dân chủ. Iran có Tổng thống và quốc hội do dân bầu, nhưng nhiều ứng cử viên bị các lãnh đạo tăng lữ cấm tranh cử và tất cả những quan chức trúng cử đều nằm dưới quyền những hội đồng tôn giáo không được ai bầu nên cả. Như vậy cũng không phải là dân chủ.

Thứ hai là cần cho phép tự do thể hiện quan điểm, cụ thể là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và các quyền tự do tương tự. Ở đây cũng vậy, những tiêu cực nhỏ có thể không quan trọng lắm. Nhưng những nước như Secbia, nơi các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu do chính quyền độc quyền và một số ít các tờ báo và hãng truyền hình độc lập phải chịu những phiền toái về luật pháp lẫn những quá nhiều vật chất thì không phải là nền dân chủ, mặc dù nước này cũng có tổ chức các cuộc bầu cử cạnh tranh.

Thứ ba là pháp quyền phải được tôn trọng. Khi một người bị kết tội, anh ta phải có lý do để tin rằng trường hợp của mình sẽ được xét xử theo đúng tội chứ không phải theo mệnh lệnh mà các nhà lãnh đạo chính trị đưa ra cho quan tòa. Tương tự, khi một công dân phải bị một quan chức ngược đãi thì phải có một kênh pháp lý nào đó để người này chấm dứt được tình trạng đó. Do vậy Malaysia không thể được coi là dân chủ mặc dù nước này mới tổ chức bầu cử gần đây bởi vì lãnh đạo phái đối lập đang bị giam giữ về những tội danh chắc chắn do tổng thống nước này đặt ra.

Bây giờ ta hãy bàn về thách thức thứ hai đối với chủ nghĩa phổ cập dân chủ, cụ thể là luận điểm của những người như Kristol, Wilson và Dahl cho rằng mặc dù dân chủ là điều rất đáng mong muốn nhưng nó lại nằm ngoài khả năng của những người nghèo hay những người không phải phương Tây.

Luận điểm này không phải mới có gần đây. Một vài thập kỷ trước người ta đã thể hiện mối ngờ vực tương tự về khả năng dân chủ của những xã hội mà ngày nay chúng ta quen cho là những nền dân chủ vững vàng. Ví dụ, khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, tổng thống Harry Truman đã tổ chức một buổi trình bày của chuyên gia hàng đầu về Nhật Bản của Bộ Ngoại giao Mỹ về những việc cần làm với Nhật khi nước này bị đánh bại. Vị chuyên gia này, ông Josep Grew đã nói với Tổng thống rằng "xét trên quan điểm lâu dài, điều tốt nhất mà ta có thể hy vọng là một nền quân chủ lập hiến. Kinh nghiệm cho thấy dân chủ không bao giờ phát huy được tác dụng ở Nhật Bản". Cũng như vậy, khi chấm dứt thời kỳ chiếm đóng của phương Tây ở Tây Đức năm 1952, nhà khoa học chính trị nổi tiếng Hans Eulau đã đi một vòng khắp đất nước này và viết một cách thất vọng rằng: "Nền Cộng hòa Bonn dường như là một Weimar (Đức quốc xã) thứ hai ... gây nên linh tính không rõ ràng về những điều chẳng lành như trước đây". Eulau giải thích vấn đề là "nền chính trị của Đức không dựa vào kinh nghiệm dân chủ mà dựa vào chủ nghĩa cảm tính nặng nề".

Khi Italia chuyển sang chủ nghĩa phát xít vào những năm 20, nhà sử học Arnold Toynbee đã viết rằng "việc Italia từ chối thực hiện 'dân chủ' (theo cách ta vẫn hiểu thông thường về từ này) đã đặt ra một câu hỏi bỏ ngỏ là liệu cái cây

chính trị này (tức nền dân chủ - ND) có thể thực sự bất rã vĩnh viễn ở đâu ngoài mảnh đất gốc gác của mình được không". Dùng từ mảnh đất gốc gác ở đây, tác giả muốn nói tới Anh và Mỹ. Nhưng ngay cả ở Mỹ, người ta cũng đã từng nêu lên những nghi ngờ về khả năng chính trị của một bộ phận công dân Mỹ. Như Thượng Nghị sĩ Strom Thurmond đã giải thích ở trường Luật của Đại học Havard năm 1957 rằng: " Nhiều người da đen không có đủ ý thức chính trị để tham gia vào các vấn đề chính trị và dân sự... nhiều người có khi còn thiếu cả những phẩm chất tối cần thiết để có thể bỏ những lá phiếu thực sự sáng suốt".

Ý kiến cho rằng muốn có dân chủ thì phải có một truyền thống dân chủ là một lập luận vòng vo. Làm sao có được một truyền thống dân chủ nếu không thực hiện dân chủ? Những người hồ nghi sẽ trả lời rằng dân chủ ở phương Tây bắt nguồn từ những ý tưởng nhất định trong truyền thống của phương Tây có thể có từ thời cổ đại. Nhưng Amartya Sen có một cách đối đáp thú vị đối với ý kiến này. Ông chỉ ra rằng truyền thống phương Tây chứa đựng những yếu tố rất khác nhau. Gốc gác của dân chủ có thể bắt nguồn từ Hy Lạp cổ đại, thế nhưng các nhà triết học Hy Lạp cũng vẫn ủng hộ chế độ nô lệ. Nền dân chủ hiện đại có lấy những yếu tố nhất định của truyền thống phương Tây trong khi vẫn không chấp nhận một số yếu tố khác. Cũng như vậy, Sen đã liệt kê những yếu tố tự do có thể thấy trong tư tưởng Phật giáo, Khổng giáo, Hồi giáo và Ấn giáo cổ. Và ông hỏi tại sao những điều này lại không được sử dụng như một nền tảng văn hoá cho dân chủ ở thế giới phi phương Tây.

Mặc dù chúng ta cảm thấy rằng văn hoá là một yếu tố quyết định đối với chính trị, nhưng rất khó xác định rõ mối quan hệ này. Nhà khoa học chính trị Samuel Huntington đã nhắc chúng ta rằng vài thập kỷ trước đây, tất cả các xã hội thịnh hành đạo Khổng đều nghèo và các nhà khoa học xã hội lập luận rằng có cái gì đó trong cách hành xử theo tư tưởng Khổng giáo làm cho những nước này bị nghèo khó. Từ thời đó tới nay, các xã hội Khổng giáo đã có được sự tăng trưởng kinh tế nhanh hơn sự tăng trưởng mà các xã hội Thiên chúa giáo hay Hồi giáo từng đạt được. Bây giờ thì các nhà khoa học xã hội lại đang cố gắng hiểu xem yếu tố nào trong đức tin Khổng giáo tạo nên được sự thịnh vượng này.

Dân chủ rộng rãi có phải là điều đáng mong đợi không?

Chúng cứ đáng thuyết phục, bác bỏ quan điểm của những người còn hồ nghi khả năng dân chủ của các dân tộc nghèo hay những dân tộc không phải phương Tây là kinh nghiệm của những thập kỷ gần đây. Theo thống kê đáng tin cậy nhất, tức là bản "nghiên cứu về tự do" hàng năm của tổ chức Freedom House, một tổ chức tư nhân, thì năm ngoài có 120 trong số 192 nước trên thế giới có chính phủ được bầu một cách dân chủ. Số này chiếm 62,5% tổng số nước, bao gồm 58,2% dân số thế giới. Có 20 nền dân chủ được bầu ở châu Phi và 14 ở châu Á, không kể những quốc đảo nhỏ ở châu Á - Thái Bình Dương, trong số những đảo quốc này cũng có 11 nền dân chủ nữa. Chẳng cần phải nói cũng biết những nền dân chủ phi phương Tây này bao gồm rất nhiều nước nghèo. Tất nhiên đúng là đói nghèo, dốt nát, và những căng thẳng trong xã hội làm cho khó thực hiện dân chủ hơn thật. Cũng rất có thể là một số nền dân chủ trong những nền dân chủ non yếu mà tổ chức Freedom House kể tới trong năm nay sẽ chuyển sang chế độ độc tài, như hầu hết các nước Tây Âu đã đạt được nền dân chủ qua những giai đoạn tiến rồi lại thoái, chứ không phải một bước là đạt ngay tới dân chủ. Nhưng sức nặng của kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng những cản trở về xã hội và văn hoá không phải là không vượt qua được. Khi nghĩ rằng nền dân chủ đầu tiên, rất không hoàn hảo được thành lập vào năm 1776 và bây giờ, sau 224 năm, có 120 nền dân chủ thì có thể thấy điều đáng quan tâm là dân chủ đã lan rộng được đến đâu chứ không phải là bị giới hạn thế nào.

Nếu tất cả những điều này đều chứng minh rằng dân chủ rộng rãi là điều hoàn toàn có thể đạt được thì liệu đó có phải là điều ta mong muốn không? Tôi cho rằng câu trả lời là có. Trước tiên nó sẽ tạo ra một thế giới hoà bình hơn. Các nền dân chủ không đánh lẫn nhau. Đã có nhiều nghiên cứu về nhận xét này kể từ khi nó được nêu ra lần đầu khoảng 10 hay 15 năm trước đây. Và tới tận ngày nay nhận xét đó, theo lời một học giả, vẫn "gần như là quy luật thực tế trong quan hệ quốc tế". Hiện người ta còn tranh cãi không biết tự bản thân các nền dân chủ mang tính hòa bình hay chỉ là hòa bình

với các nền dân chủ khác. Dù là đảng nào đi nữa thì nếu thế giới có nhiều nền dân chủ hơn thì chiến tranh sẽ ít xảy ra hơn.

Bên cạnh "nền hoà bình dân chủ" này, Sen cũng đề xuất một ý kiến khác về các nền dân chủ mà chưa ai nêu ra được dẫn chứng nào trái ngược. Ông nói rằng không có nền dân chủ nào từng phải chịu nạn đói hay những thảm hoạ tương tự cả. Theo ông nguyên nhân là nạn đói là điều có thể ngăn chặn được. Trong những hệ thống chính trị có các cơ chế "phản hồi" - cơ chế này có sẵn trong nền dân chủ- các chính phủ được báo động ngay khi những điều kiện gây ra nạn đói mới đang hình thành và họ lập tức hành động để làm dịu những điều kiện đó trước khi chúng đạt tới mức thảm hoạ.

Đây là những lý lẽ mang tính công cụ để ủng hộ dân chủ. Nhưng theo tôi, có lẽ vì tôi là một người Mỹ nên tôi thấy rằng lý lẽ mạnh nhất không mang tính công cụ. Tôi tin rằng mọi người trưởng thành đều phải được có tiếng nói trong chính phủ của mình, nếu anh ta muốn. Đây là một phần quan niệm của tôi về nhân phẩm con người cho dù các chính phủ dân chủ có đưa ra được những quyết định sáng suốt hay không. Không phải bao giờ các cá nhân cũng đưa ra được những quyết định sáng suốt trong cuộc sống riêng của mình, như trong việc lựa chọn nghề nghiệp hay bạn đời chẳng hạn. Nhưng tôi tin rằng để cho họ được tự do quyết định và tự phạm sai lầm thì vẫn tốt hơn là để người khác kiểm soát cuộc đời của họ. Quan điểm của tôi cũng tương tự đối với lĩnh vực công cộng. Tôi không thể chứng minh là mình đúng. Đây không phải là một quan điểm có thể chứng minh được, nhưng lại là vấn đề những giá trị căn bản. Tuy nhiên nhìn vào sự lan rộng của dân chủ trên khắp thế giới, có thể thấy những giá trị này cũng được rất nhiều người với những kinh nghiệm khác hẳn những kinh nghiệm của tôi cùng chia sẻ./.

Toàn văn bài viết có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/journals/itdhr/0500/ijde/muravchik.htm>